

Số: 02 /NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDDT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-KĐCLGDTL ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-KĐCLGDTL ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn Tổ thư ký Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá cơ sở giáo dục của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 27 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài đối với Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài. Kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đối với Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội như sau: Các lĩnh vực đảm bảo chất lượng về chiến lược, đảm bảo chất lượng về hệ thống, đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng và kết quả hoạt động đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên và không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm (Chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội phát huy các điểm mạnh và thực hiện các nhóm giải pháp khắc phục điểm tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục (Chi tiết trong Phụ lục II).

3. Căn cứ Điều 46 Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Giám đốc TTKĐCLGD Thăng Long;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 01 năm 2024
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,01	Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,83
Tiêu chuẩn 1	4,00	Tiêu chuẩn 13	3,80
Tiêu chuẩn 2	4,00	Tiêu chuẩn 14	3,60
Tiêu chuẩn 3	4,00	Tiêu chuẩn 15	3,80
Tiêu chuẩn 4	3,75	Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,00	Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,00	Tiêu chuẩn 18	3,75
Tiêu chuẩn 7	3,80	Tiêu chuẩn 19	4,00
Tiêu chuẩn 8	4,50	Tiêu chuẩn 20	3,75
Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,63	Tiêu chuẩn 21	4,00
Tiêu chuẩn 9	3,67	Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động	3,92
Tiêu chuẩn 10	3,75	Tiêu chuẩn 22	4,00
Tiêu chuẩn 11	3,50	Tiêu chuẩn 23	3,67
Tiêu chuẩn 12	3,60	Tiêu chuẩn 24	4,00
		Tiêu chuẩn 25	4,00



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 01 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

I. PHÁT HUY NHỮNG ĐIỂM MẠNH

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần tiếp tục phát huy những điểm mạnh, cụ thể như sau:

1. *Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường được xây dựng và phát triển, được rà soát, điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của ngành giáo dục, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội, của cả nước và của Bộ Xây dựng; đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan, được quán triệt, phổ biến công khai dưới nhiều hình thức khác nhau và dễ dàng tiếp cận. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu thường xuyên chỉ đạo các đơn vị triển khai hoạt động để thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn và gìn giữ, phát huy các Giá trị cốt lõi của Nhà trường.

Hệ thống quản trị của Nhà trường được tổ chức, rà soát và hoàn thiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý được xây dựng theo các quy định hiện hành của pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, trách nhiệm giải trình, tính bền vững, minh bạch trong quá trình hoạt động của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các tổ chức Đảng, Đoàn thể và các đơn vị khác được quy định rõ ràng trong các quy chế tổ chức hoạt động. Các nghị quyết/quyết định/kết luận của hệ thống quản trị được Hiệu trưởng truyền tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn thực hiện.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý rõ ràng, đầy đủ và phù hợp. Chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị được quy định rõ ràng, được định kỳ rà soát và điều chỉnh thông qua hệ thống văn bản quy định nội bộ nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, văn bản quản lý, nhân sự tham gia công tác lãnh đạo quản lý được rà soát, điều chỉnh, đánh giá cải tiến để nâng cao hiệu quả điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường.

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2030, các chiến lược phát triển trên một số lĩnh vực chủ yếu và các kế hoạch năm học. Chỉ tiêu phấn đấu chính đến năm 2025 và 2030 trên các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, bảo đảm chất lượng, tài chính và cơ sở vật chất được xác định tương đối rõ ràng, có tính khả thi, có mốc thời gian thực hiện và có thể đo lường mức độ đạt được. Các chiến lược phát triển dài hạn, kế hoạch trung hạn và ngắn hạn được quán triệt, công bố công khai tới các bên liên quan triển khai thực hiện. Công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chiến

lược đã được triển khai. Quy trình xây dựng chiến lược phát triển đã được cải tiến với mục tiêu xây dựng các chỉ tiêu sát với tình hình thực tế và có tính khả thi cao.

Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được các đơn vị trong Trường xây dựng theo sự phân công cụ thể của Nhà trường; được xây dựng theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường; được lấy ý kiến các bên liên quan; được cụ thể hóa bằng văn bản và được lãnh đạo cơ sở giáo dục phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát và được cải tiến hàng năm.

Nguồn nhân lực của Nhà trường được quy hoạch và phát triển theo chiến lược phát triển đội ngũ; quy định về công tác cán bộ và Đề án vị trí việc làm. Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp nhân sự được xác định rõ ràng và được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau. Tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên và nhân viên được xác định rõ ràng. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được rà soát, cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính được thiết lập và vận hành. Trường có nguồn thu ổn định, có xu hướng tăng, cơ cấu thu - chi hợp lý bảo đảm sự chủ động và tự chủ thực hiện các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện, nguồn học liệu, thiết bị dạy học được đang được đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp, trang bị mới, duy tu, bảo dưỡng. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt có nhiều thay đổi và cải thiện, nâng cao tỷ lệ hài lòng của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Trường.

Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường được các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm xây dựng, giám sát rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển và để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Trong chu kỳ đánh giá, nhiều hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, sinh viên được triển khai. Số lượng các đối tác, mạng lưới quan hệ đối ngoại tiếp tục duy trì và phát triển. Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động hợp tác như mở ba ngành liên kết đào tạo nước ngoài, tham quan học tập chuyên môn, trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên, giảng viên; duy trì và phát triển đối tác, mạng lưới quan hệ đối ngoại trong nước và nước ngoài.

2. Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Nhà trường đã xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong với đầu mối thực thi là Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục gồm các giảng viên, cán bộ tại các đơn vị. Nhà trường đã thành lập Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục có thành viên là Ban lãnh đạo Nhà trường và đại diện lãnh đạo các đơn vị chức năng trong Trường. Hệ thống văn bản quy định về các hoạt động bảo đảm chất lượng đã được ban hành.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục theo các giai đoạn và hằng năm được xây dựng quán triệt và triển khai thực hiện.

Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo được thể hiện trong chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục. Nhà trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá và ban hành kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo và chuẩn bị cho đánh giá ngoài kèm theo các quyết định thành lập và danh sách kèm theo. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của các thành viên cũng như cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, tiến độ thực hiện để thực hiện kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài được quy định rõ ràng.

Cơ chế bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật cho hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong được Nhà trường ban hành trong Quy định về hệ thống quản lý thông tin bảo đảm chất lượng bên trong của Trường, bao gồm các nội dung: Phân công đầu mối, các bộ phận phối hợp, hoạt động thu thập, xử lý, báo cáo kết quả và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thực hiện kế hoạch.

Hoạt động nâng cao chất lượng của Nhà trường được thể hiện rõ trong các chiến lược, kế hoạch phát triển và bảo đảm chất lượng giáo dục của Nhà trường bảo đảm tính kế tục, liên tục và phù hợp theo từng giai đoạn. Các quy định về đổi sánh, so chuẩn của Nhà trường đã được xây dựng bao gồm các quy trình đổi sánh trong nước và quy trình đổi sánh nội bộ. Trong chu kỳ đánh giá, kế hoạch đổi sánh đã được xây dựng và thực hiện.

3. Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về chức năng

Nhà trường có Đề án tuyển sinh thể hiện rõ chính sách tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau theo đúng quy định hiện hành, được giám sát, rà soát và cải tiến thường xuyên trong quá trình thực hiện. Các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, các hình thức xét tuyển phù hợp và tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác truyền thông tuyển sinh được Nhà trường triển khai với nhiều phương thức đa dạng. Công tác tuyển sinh được giám sát, cải tiến, gia tăng số lượng và chất lượng đầu vào.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định, quy trình, hướng dẫn rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học phù hợp theo mẫu thống nhất đối với tất cả các chương trình đào tạo và các bậc đào tạo. Quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình dạy học được rà soát, cải tiến để bảo đảm sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố chính thức, phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Trường và với xu thế phát triển chung. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với Triết lý giáo dục của Nhà trường để đạt được chuẩn đầu ra và thúc đẩy việc học tập suốt đời của người học. Chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên và phân công nhiệm vụ cho giảng

viên dựa trên vị trí việc làm, trình độ, kinh nghiệm và năng lực chuyên môn. Hoạt động dạy và học được thực hiện thông qua giám sát, thanh tra và đánh giá bởi các đơn vị chức năng, khoa chuyên môn mà việc định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Hệ thống văn bản có liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện người học được ban hành đầy đủ, có hướng dẫn về các tiêu chí đánh giá theo các rubric để cho điểm quá trình, có kế hoạch tổ chức thi, chấm điểm với các quy trình chặt chẽ. Nhà trường đã thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi; định kỳ tổ chức rà soát, phân tích chất lượng và thực hiện điều chỉnh để đảm bảo tính chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học phần tùy theo đặc điểm của từng môn học, ngành học. Các loại hình và phương pháp đánh giá người học được thiết kế hướng đến bảo đảm độ giá trị, tin cậy và công bằng.

Nhà trường đã xây dựng các văn bản quy định về hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học; phân công trách nhiệm cho các đơn vị và cá nhân triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và hệ thống giám sát người học được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học được rà soát và đánh giá định kỳ; được quan tâm cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức và hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu với kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học công nghệ hàng năm. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai tốt, đạt được tầm nhìn và sứ mạng của Trường đề ra. Nhà trường đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học. Trường đã triển khai thực hiện việc rà soát và điều chỉnh các mục tiêu kế hoạch cho hoạt động khoa học công nghệ.

Các văn bản quy định về quản lý tài sản trí tuệ được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật; được rà soát, điều chỉnh, cải tiến và hoàn thiện trong quá trình thực hiện. Nhà trường đã thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền kết quả nghiên cứu, có quy định khai thác phi thương mại và thương mại hóa, quy trình phát triển tài sản trí tuệ và yêu cầu công bố khoa học sau khi nghiệm thu nhiệm vụ khoa học công nghệ. Nhà trường đã triển khai được hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ: Đã đăng ký thương hiệu của Trường và quyền tác giả đối với luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, sách, tác phẩm, bài báo; lưu trữ các loại tài sản trí tuệ dạng file điện tử trên Google Form.

Nhà trường đã có kế hoạch phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu với các quy định, mục tiêu cụ thể và phân công nhiệm vụ rõ ràng để lựa chọn và thúc đẩy phát triển các quan hệ này; triển khai tốt các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu; lập dự toán kinh phí để đầu tư

thích hợp trong các hoạt động hợp tác và đối tác, rà soát và đánh giá tính hiệu quả hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu, điều chỉnh các hoạt động và thực hiện thành công nhiều mục tiêu đặt ra trong hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng nhằm thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật, được tổ chức thực hiện mang lại những kết quả cụ thể. Nhà trường đã triển khai hệ thống đánh giá và giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng; có đầy đủ cơ sở dữ liệu về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng. Hoạt động kết nối cộng đồng và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được Nhà trường từng bước cải tiến và nhận được kết quả phản hồi tích cực từ các bên liên quan.

4. Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động

Tỷ lệ thôi học được cải thiện, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau một năm tốt nghiệp luôn duy trì mức cao. Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo hỗ trợ cho công tác lập kế hoạch đào tạo, theo dõi, thông kê và phân tích kết quả đào tạo; có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá, đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm; có biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên; có hệ thống gồm quy trình, phương pháp, công cụ và chỉ số phục vụ công tác thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Nhà trường đã ban hành kế hoạch chiến lược dài hạn để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học với các quy định về loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học dành cho đội ngũ giảng viên và người học. Nhà trường có bộ phận chuyên trách để theo dõi và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường; có kinh phí đầy đủ cho hoạt động khoa học công nghệ, có hệ thống giám sát, rà soát và cải tiến các mục tiêu của hoạt động nghiên cứu và sáng tạo. Nhà trường đã xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên. Cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học được thu thập và lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng kết nối và phục vụ cộng đồng; có các kế hoạch, chỉ tiêu, định mức liên quan hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; có quy định về giám sát và đối sánh chất lượng trong hoạt động phục vụ cộng đồng. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi được thiết lập, triển khai và dựa trên thông tin phản hồi về loại hình, khối lượng và sự hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường đã có những điều chỉnh và cải tiến chất lượng hoạt động phục vụ cộng đồng.

Các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng được xác lập, được giám sát, đối sánh, cải tiến phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường. Nhà trường đã định kỳ thực hiện tự kiểm tra, kiểm toán, thanh tra theo quy định; có triển khai khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về kết quả các mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Uy tín và tên tuổi của Nhà trường được khẳng định trong xã hội.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược

Có giải pháp nâng cao số lượng ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi trong các biên bản, báo cáo rà soát; cập nhật trong phát biểu tầm nhìn của Nhà trường những xu hướng đổi mới của giáo dục đại học Việt Nam nói riêng và của thế giới nói chung, nêu rõ vai trò và vị thế của Nhà trường trong các nhiệm vụ chính trị được giao; ban hành hướng dẫn cụ thể về nội dung hoạt động cho các bên liên quan trong việc lập kế hoạch giữ gìn và phát triển các giá trị cốt lõi đã xác định.

Bổ sung nội dung quản lý rủi ro trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; đề xuất cụ thể về nhận dạng, đánh giá và ứng phó rủi ro khi thực hiện các chiến lược phát triển trong mỗi giai đoạn; thành lập các Hội đồng tư vấn (chính sách, chiến lược) cho Hội đồng trường; cần bổ sung nội dung kỹ năng quản trị đại học và quản trị rủi ro trong các chương trình bồi dưỡng cho các nhân sự tham gia hệ thống quản trị của Nhà trường.

Xây dựng đề án vị trí việc làm chung toàn trường; lập các báo cáo rà soát về cơ cấu bộ máy quản lý; tách bộ phận thanh tra độc lập so với bộ phận khảo thí nhằm đảm bảo tính khách quan của các hoạt động thanh tra khi cần thực thi thanh tra các hoạt động khảo thí; phân công đầu mối chịu trách nhiệm triển khai công tác đối ngoại trong nước; tăng cường hiệu quả hoạt động của mạng lưới bảo đảm chất lượng bên trong ở cấp đơn vị và hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

Ban hành văn bản chiến lược phát triển có các KPI và chỉ tiêu phấn đấu chính, mang rõ tính định lượng trong các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kết nối và phục vụ cộng đồng, hợp tác quốc tế, hệ thống thông tin thư viện và cơ sở vật chất; yêu cầu và hướng dẫn các đơn vị, bộ phận, các khoa/bộ môn xây dựng kế hoạch chiến lược tại đơn vị bằng cách cụ thể hóa kế hoạch của Nhà trường; cần tổ chức tổng kết, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch năm của Nhà trường và các đơn vị theo các KPI, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong kế hoạch chiến lược.

Hệ thống hóa các văn bản hướng dẫn, kế hoạch tập huấn về việc xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát thực hiện các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đến các bên liên quan; rà soát, phân tích, đánh giá sâu các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để điều chỉnh, ban hành các chính sách đủ mạnh, kịp thời nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường; điều chỉnh Quy định quản lý khoa học theo định hướng đáp ứng chiến lược phát triển của Nhà trường; xây dựng bộ câu hỏi lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Có giải pháp thực thi quy hoạch nguồn nhân lực trong thời gian ngắn hạn và trung hạn; cụ thể hóa các tiêu chí tuyển dụng theo các khoa chuyên môn nhằm thu hút các đối tượng cần tuyển dụng trình độ cao; xác định đầy đủ các tiêu chuẩn năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên để đảm bảo cân bằng các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tổ chức quản lý và lưu trữ một cách có hệ thống cơ sở dữ liệu cho đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tăng cường các giải pháp khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và biên soạn giáo trình; thực hiện phân tích sâu các chế độ, chính sách, quy hoạch về nguồn nhân lực bám sát chiến lược phát triển của Nhà trường; tăng cường các giải pháp về chính sách nhằm thu hút, phát triển đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị cao.

Rà soát mức độ phù hợp giữa chỉ tiêu phát triển nguồn thu trong chiến lược phát triển so với lộ trình và mục tiêu tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên; đề xuất giải pháp khả thi thực hiện đa dạng hóa nguồn thu; nhanh chóng ổn định và hoàn thành kế hoạch cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm khắc phục tình trạng cơ sở vật chất hiện tại của Trường, lưu ý về ký túc xá, sân tập thể dục thể thao, nâng tỷ lệ trang bị hệ thống điều hòa tại các phòng học; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống mạng internet đáp ứng nhu cầu của sinh viên và cán bộ, giảng viên; cần có giải pháp nâng cấp kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin của Nhà trường, đồng bộ hệ thống phần mềm và cập nhật hệ thống hạ tầng tính toán, lưu trữ an toàn bảo mật. Về thư viện, Nhà trường cần đẩy mạnh việc số hóa tài liệu, nâng cấp phần mềm quản lý, nâng cấp hệ thống internet, bổ sung đầu sách đáp ứng các môn học có trong đề cương chi tiết học phần.

Ban hành kế hoạch trung hạn, dài hạn để triển khai hoạt động đối ngoại theo từng giai đoạn; tăng cường hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ làm công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế của Trường; hệ thống hóa, so sánh và đánh giá cơ sở dữ liệu các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước; bổ sung, cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu về đối sánh, đánh giá kết quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; kiểm tra tính hệ thống và cẩn ban hành quyết định phê duyệt “Đề án thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục” vào ngày 28 tháng 6 năm 2011 làm căn cứ ban hành chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; tách riêng đầu mục về kế hoạch chiến lược bảo đảm chất lượng trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2035; ban hành bộ chỉ số KPI riêng về công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường.

2. Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Rà soát tính pháp lý và rà soát quy trình phê duyệt các văn bản đảm bảo tách logic; rà soát và bổ sung mảng đảm bảo chất lượng vào chiến lược phát triển của Nhà trường; ban hành bộ KPI và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác đảm bảo chất lượng, đồng thời làm căn cứ cho các hoạt động tập huấn, hướng dẫn cho các đơn vị về việc đo lường và đánh giá mức độ đạt được; thu thập ý kiến các bên liên quan trong quá trình đo lường, đánh giá mức độ đạt được của các KPI và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng các

mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng.

Rà soát, cải tiến quy trình tự đánh giá cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài (kế hoạch, phân công trách nhiệm, các bước thực hiện, cách thức chuẩn bị, lập kế hoạch cải tiến...) và cải tiến trên cơ sở tay hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo hiện có; ban hành riêng Quy trình tự đánh giá, quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài; định kỳ tổ chức họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục giữa các đơn vị, đặc biệt là sau mỗi lần tự đánh giá.

Phân tích đầy đủ các thông tin cần cho hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và đối sánh với hiện trạng việc quản lý các thông tin này để có giải pháp thiết kế một hệ thống đồng bộ, trong đó chỉ rõ vai trò của các đơn vị chức năng trong việc định kỳ cập nhật các thông tin này; định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin; đánh giá hiệu quả của các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong để có căn cứ cho việc cập nhật, điều chỉnh; phân tích một cách tổng thể các thông tin đảm bảo chất lượng bên trong (bao gồm cả phân tích kết quả đánh giá) nhằm sử dụng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Xây dựng kế hoạch tổng hợp dữ liệu để làm cơ sở xây dựng kế hoạch rà soát, cải tiến Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; tham chiếu các tiêu chí đối sánh của cơ sở giáo dục khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn.

3. Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về chức năng

Phân công/thành lập đơn vị chuyên trách công tác tư vấn và truyền thông tuyển sinh, đồng thời thực hiện khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực đối với các chương trình đào tạo, làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh các ngành/chuyên ngành đào tạo của các hệ đào tạo của Nhà trường phù hợp hơn; rà soát Quy trình thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học làm căn cứ điều chỉnh đề án tuyển sinh hàng năm; tổng hợp, đối sánh và đánh giá các kết quả phân tích về tuyển sinh và nhập học hàng năm làm căn cứ điều chỉnh chính sách và kế hoạch tuyển sinh, nhập học ở những năm tiếp theo; đầu tư nhiều hơn nữa cho công tác truyền thông và tư vấn tuyển sinh; nghiên cứu điều chỉnh chính sách tuyển sinh phù hợp hơn, giúp cho công tác tuyển sinh hiệu quả để hiện thực hóa chiến lược/chính sách/kế hoạch tuyển sinh, nhập học của Nhà trường.

Tổng hợp, phân tích sâu những ý kiến của các bên liên quan đặc biệt là chuyên gia và các nhà sử dụng lao động để làm căn cứ điều chỉnh điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo; thiết kế mẫu khảo sát phù hợp để lấy được thông tin chất lượng; tăng lượng mẫu khảo sát/lấy ý kiến của các bên liên quan quan trọng rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để đảm bảo những ý kiến trên đại diện cho số đông các bên liên quan; rà soát chương trình đào tạo của ngành sau đại học, bổ sung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra học phần; rà soát chương trình dạy học

của 10 chương trình đào tạo trình độ sau đại học (05 chương trình đào tạo tiến sĩ, 05 chương trình đào tạo thạc sĩ) theo hướng dẫn của Nhà trường và có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Phổ biến rộng rãi Hướng dẫn xây dựng đề cương học phần đến các giảng viên; tổ chức các hội thảo và tập huấn bồi dưỡng về năng lực sư phạm, tập huấn đổi mới phương pháp dạy học, ra đề thi kiểm tra, đánh giá; quy định rõ những phương pháp dạy và học tiêu biểu trong đề cương chi tiết học phần để giảng viên áp dụng đồng đều ở các lớp học phần; đa dạng hóa đối tượng khảo sát và thiết kế lại mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học theo hướng đáp ứng sự phù hợp để thu được thông tin chất lượng nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập; rà soát và điều chỉnh hoạt động dạy và học của 10 chương trình đào tạo trình độ sau đại học (05 chương trình đào tạo tiến sĩ, 05 chương trình đào tạo thạc sĩ) theo hướng phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt chuẩn đầu ra.

Xác định cụ thể phương pháp, hình thức đánh giá học phần của các chương trình đào tạo, đặc biệt là các học phần thuộc chương trình đào tạo sau đại học; xây dựng ma trận liên kết chuẩn đầu ra học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng với mỗi chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo sau đại học; hướng dẫn giảng viên lựa chọn phương pháp đánh giá kiểm tra phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, đặc biệt là các phương pháp để đánh giá kỹ năng tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề; bổ sung quy định việc phúc khảo với tất cả các hình thức thi đang triển khai, không chỉ giới hạn với các hình thức thi tập trung (thi viết, thực hành trên máy tính); xây dựng quy định về quy trình đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học và thực hiện thường xuyên đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình/phương pháp kiểm tra đánh giá người học.

Tổng hợp xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ, cũng như kế hoạch/phương pháp đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ; rà soát công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để bổ sung điều chỉnh nội dung bộ phiếu hỏi phù hợp, đảm bảo bao phủ đầy đủ thông tin cụ thể, hữu ích từ mỗi đối tượng, giúp cho việc tham khảo để đánh giá hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học khách quan hơn; thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá về chất lượng, hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học thường xuyên hơn; cần quan tâm hơn nữa đến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học các hệ đào tạo liên thông, vừa làm vừa học và sau đại học.

Xây dựng và ban hành các chỉ tiêu thực hiện KPI cho hoạt động nghiên cứu khoa học chung của toàn trường và quy định KPI cho các đối tượng giảng viên (giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư), nghiên cứu viên (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp); thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Hội đồng trường, Phòng Khoa học công nghệ và lãnh đạo các đơn vị trong việc giám sát, rà soát hoạt động nghiên cứu khoa học; cơ chế công nhận, ghi nhận số lượng và chất lượng nghiên cứu

khoa học của cán bộ, giảng viên và nghiên cứu viên; chú trọng thực hiện chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó tập trung vào chuyển giao công nghệ, thương mại hóa, sản xuất thử, phát hành sách, tác phẩm nghệ thuật...; xác định rõ ràng tỷ lệ thu - chi trong tổng chi cho hoạt động khoa học công nghệ, từ đó đánh giá mức độ đạt chỉ tiêu chiến lược; khẩn trương thành lập nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh, thành phần nên có tính kế cận (chuyên gia đầu ngành, chuyên gia, tiến sĩ, thạc sĩ, sinh viên tài năng); có cơ chế, chính sách để phát huy tiềm lực của các nhà khoa học; thành lập/giao nhiệm vụ một bộ phận/don vị chuyên trách chịu trách nhiệm triển khai các đợt khảo sát, đánh giá theo bộ tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục.

Hoàn thiện, bổ sung một số quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, như: Định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ theo nhiều cách tiếp cận (thị trường, chi phí, và thu nhập), quy trình thử nghiệm, sản xuất thử, chỉ số trích dẫn (Citation Index, Impact factor); đẩy mạnh việc phổ biến, hướng dẫn quyền sở hữu trí tuệ cho các bên liên quan thông qua các hội thảo, tập huấn...; chú trọng thương mại hóa kết quả nghiên cứu thông qua quảng bá, triển lãm tác phẩm, phát hành sách, sản xuất thử nghiệm...; xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về tài sản trí tuệ để hỗ trợ công bố, đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu của Nhà trường, của tác giả...; mua các phần mềm kiểm tra sự trùng lặp, đạo văn để rà soát hành vi vi phạm bản quyền đối với các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ một cách chuyên nghiệp theo hướng: Thiết lập bảng tiêu chí kỹ thuật, lựa chọn phương pháp đánh giá và biên soạn công cụ đánh giá (bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát trực tiếp...), thu thập thông tin, dữ liệu từ nhiều nguồn, tại nhiều thời điểm; sử dụng nhiều mô hình thống kê để giải thích các kết quả đánh giá; chú trọng đến những cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ các lợi ích cộng đồng và phân tích tính hiệu quả; xây dựng kế hoạch vận hành hiệu quả Văn phòng Tư vấn và chuyển giao công nghệ để thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Xây dựng chiến lược, lập kế hoạch (dài hạn, ngắn hạn), xác định chỉ số thực hiện KPI để phát triển hợp tác và đối tác về nghiên cứu khoa học; xem xét bổ sung chức năng phát triển hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học trong nước và đổi tên Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế thành Viện Hợp tác quốc tế; xây dựng hệ thống kiểm soát, thống kê nguồn kinh phí thu hoặc bảng kê các trang thiết bị nghiên cứu mới được đầu tư trong các hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu khoa học trong nước, quốc tế; thực hiện đánh giá hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học một cách chuyên nghiệp: Nghiên cứu mô hình đánh giá hiệu quả của một hoạt động, xây dựng tiêu chí đánh giá, lựa chọn phương pháp đánh giá, biên soạn công cụ, thu thập thông tin, phân tích và xử lý dữ liệu, viết báo cáo đánh giá và đề xuất cải tiến; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ phận triển khai hợp tác và đối tác và bộ phận tài chính để kiểm soát, thống kê được nguồn thu từ hoạt động này.

Bổ sung mục tiêu kết nối và phục vụ cộng đồng trong Chiến lược phát triển Nhà trường rõ ràng hơn với các mục tiêu và các chỉ số thực hiện cụ thể nhằm hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2035 của Nhà trường; truyền thông các chính sách về

kết nối và phục vụ cộng đồng một cách rộng rãi hơn, bằng nhiều kênh khác nhau giúp các bên liên quan biết và thực hiện; xây dựng bộ KPI để đo lường, đánh giá kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; tổ chức tổng hợp, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác để có kế hoạch thực hiện hiệu quả hơn và phát huy thế mạnh của các đối tác tiềm năng.

4. Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động

Thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn như hướng nghiệp, cảnh báo học tập, xây dựng các nhóm giúp bạn tiến bộ...; phân tích, đánh giá về nguyên nhân sự khác biệt về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của các chương trình đào tạo và đưa các giải pháp khắc phục; xây dựng kế hoạch cụ thể để hỗ trợ người học thực hiện kế hoạch học tập của cá nhân, kế hoạch trả nợ môn học trong chương trình đào tạo và kế hoạch hoàn thành điều kiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ; đánh giá sâu về những lý do sinh viên/học viên phải kéo dài thời gian học tập để có các giải pháp hiệu quả; phân tích đối sánh đầy đủ tình hình có việc làm của sinh viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo và đối sánh sâu với các ngành tương tự ở các trường đại học trong nước và ngoài nước để xác lập chính xác hơn khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo; rà soát và thiết kế phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tích hợp tiêu chí khảo sát về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo và có những báo cáo riêng về kết quả khảo sát người sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp cho từng chương trình đào tạo để có thể có được những thông tin hữu ích cho việc đổi mới chương trình đào tạo.

Xây dựng, trình phê duyệt và ban hành Đề án vị trí việc làm, trong đó cần quy định định mức nghiên cứu khoa học cho từng vị trí việc làm; tổ chức thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan (cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp, đối tác khác) về số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học một cách bài bản: Lập kế hoạch, thiết lập tiêu chí khảo sát, thiết kế bộ công cụ, thu thập thông tin, phân tích, xử lý dữ liệu và viết báo cáo kết quả đánh giá; xây dựng cơ sở dữ liệu (trong nước, quốc tế, theo lĩnh vực) để có thể đối sánh loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên và người học; xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu để cập nhật: Loại hình và số lượng công bố khoa học, chỉ số trích dẫn CI và chỉ số ảnh hưởng IF, các tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ của Trường, của cá nhân; bổ sung quy định về định giá các tài sản trí tuệ (công nghệ, kết quả nghiên cứu, dịch vụ khoa học công nghệ); chú trọng thỏa đáng đến mức phân bổ kinh phí cho hoạt động tư vấn và chuyển giao công nghệ nhằm khuyến khích tạo ra các sản phẩm sáng chế, thương mại hóa, thử nghiệm và chuyển giao công nghệ...

Tích hợp vào Chiến lược nội dung kết nối và phục vụ cộng đồng với trách nhiệm xã hội của Nhà trường (tư vấn hoạch định chính sách, đồng hành với cộng đồng doanh nghiệp/địa phương, đồng kiến tạo với cựu người học); có kế hoạch tổng thể hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng (hiện trạng phân tán ở các bộ

phận/đầu mối khác nhau), chuyên nghiệp hóa hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng gắn với thương hiệu Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; xây dựng các chỉ số KPI về kết nối và phục vụ cộng đồng cho từng đơn vị; cá nhân và trong chiến lược phát triển trường làm cơ sở đánh giá, giám sát lĩnh vực này và tác động, kết quả đối với người học, cán bộ, viên chức Nhà trường; xây dựng bộ câu hỏi khảo sát phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, đồng bộ về kết quả và tác động của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng phù hợp các quy định, kế hoạch và các văn bản có liên quan của Nhà trường; thu thập dữ liệu, xử lý, phân tích dữ liệu và có báo cáo tổng hợp về từng lĩnh vực, nhất là báo cáo đánh giá tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội nhằm xác lập, giám sát và đổi sánh để cải tiến, làm căn cứ phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Nhà trường giúp cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường.

Bổ sung chỉ tiêu KPI về chỉ số tài chính trong chiến lược phát triển; nghiên cứu điều chỉnh chỉ số phát triển nguồn thu trong chiến lược phát triển có tính cải tiến, phản ánh phát triển và phù hợp lộ trình tự chủ tài chính; tiếp cận, tiến tới áp dụng các phương pháp đánh giá chất lượng khá phổ biến trong hệ thống giáo dục đại học: Xếp hạng, gắn sao, đổi sánh với các trường đại học trong cùng khối ngành về điểm chuẩn tuyển sinh, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm để định vị chất lượng, thương hiệu của Nhà trường; nhận thức vai trò của hoạt động tài chính là động lực, điều kiện thúc đẩy các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của Trường; lòng ghép yếu tố thị trường tài chính trong các hoạt động (nghiên cứu, định vị vị thế của Trường, khu vực tuyển sinh và khả năng chi trả...).

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.